Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9603.40.00

Mã HS	9603.40.00
Mô tả hàng hóa	Chổi, bàn chải (kể cả các loại bàn chải là những bộ phận của máy, dụng cụ hoặc xe), dụng cụ cơ học vận hành bằng tay để quét sàn, không có động cơ, giẻ lau sàn và chổi bằng lông vũ; túm và búi đã làm sẵn để làm chổi hoặc bàn chải; miếng thấm và con lăn để sơn hoặc vẽ; chổi cao su (trừ con lăn bằng cao su) / - Chổi quét sơn, chổi quét keo, chổi quét vecni hoặc các loại chổi tương tự (trừ các loại bút lông thuộc phân nhóm 9603.30); miếng thấm và con lăn để quét sơn hoặc vẽ
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 10:56:56
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/96034000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18871
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18871
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18871
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18130
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18059
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18059
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18059
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18059
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18059
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18059
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E18115
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18115
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18115
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18115

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18115
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18115
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18116
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18116
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18116
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18116
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18116
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18116
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18121
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18078
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18073
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18073
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18073
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18073
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18073
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18073
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18121
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18121
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18121
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18121
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18121
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18121
VCFTA	2022	2022	5	VC!D18185
VCFTA	2023	2023	2	VC!E18185
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18185
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18185

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18185
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18185
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18159
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18159
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18159
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18159
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18159
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18159
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D18152
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E18152
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F18152
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G18152
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H18152
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18152
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D18182
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18182
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18182
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18182
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18182
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18182
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D18181
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18181
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18181
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18181
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18181
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18181

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18275
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18275
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18275
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18275
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18275
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18275
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18275
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18146
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18146
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18146
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18146
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18146
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18146
RCEP B	2022	2022	0	B!D18146
RCEP B	2023	2023	0	B!E18146
RCEP B	2024	2024	0	B!F18146
RCEP B	2025	2025	0	B!G18146
RCEP B	2026	2026	0	B!H18146
RCEP B	2027	2027	0	B!I18146
RCEP C	2022	2022	0	C!D18144
RCEP C	2023	2023	0	C!E18144
RCEP C	2024	2024	0	C!F18144
RCEP C	2025	2025	0	C!G18144
RCEP C	2026	2026	0	C!H18144
RCEP C	2027	2027	0	C!I18144
RCEP D	2022	2022	0	D!D18143

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18143
RCEP D	2024	2024	0	D!F18143
RCEP D	2025	2025	0	D!G18143
RCEP D	2026	2026	0	D!H18143
RCEP D	2027	2027	0	D!I18143
RCEP E	2022	2022	0	E!D18148
RCEP E	2023	2023	0	E!E18148
RCEP E	2024	2024	0	E!F18148
RCEP E	2025	2025	0	E!G18148
RCEP E	2026	2026	0	E!H18148
RCEP E	2027	2027	0	E!I18148
RCEP F	2022	2022	0	F!D18146
RCEP F	2023	2023	0	F!E18146
RCEP F	2024	2024	0	F!F18146
RCEP F	2025	2025	0	F!G18146
RCEP F	2026	2026	0	F!H18146
RCEP F	2027	2027	0	F!I18146
VIFTA	2024	2024	21,4	VI!F17013
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G17013
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H17013
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I17013

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9603.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9603.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18871), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.